

CÔNG TY CỔ PHẦN ANI

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ  
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

TP. HCM, tháng 04 năm 2026

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	3
<b>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>4</b>
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ .....	4
Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ, thẩm quyền triệu tập, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ .....	4
Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ .....	5
Điều 6. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ .....	5
Điều 7. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ .....	5
Điều 8. Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ .....	5
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ .....	5
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ .....	6
Điều 11. Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua .....	6
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu biểu quyết và thông báo kết quả kiểm phiếu trong cuộc họp ĐHĐCĐ .....	6
Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ .....	7
Điều 14. Lập biên bản ĐHĐCĐ .....	7
Điều 15. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ .....	7
Điều 16. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .....	7
Điều 17. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ theo hình thức cuộc họp trực tuyến .....	7
Điều 18. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ theo hình thức cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến ..	9
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>10</b>
Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT .....	10
Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT .....	10
Điều 21. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của thành viên HĐQT .....	11
Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT .....	11
Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT .....	11
Điều 24. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....	12
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	12
Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	12
Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....	12
Điều 28. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT .....	12
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT .....	12
<b>CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>12</b>
Điều 30. Cuộc họp HĐQT .....	12

Điều 31. Thông báo họp HĐQT .....	12
Điều 32. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....	12
Điều 33. Cách thức biểu quyết .....	12
Điều 34. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	12
Điều 35. Biên bản họp HĐQT .....	13
Điều 36. Thông báo nghị quyết HĐQT .....	13
<b>CHƯƠNG V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN .....</b>	<b>13</b>
Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS .....	13
Điều 38. Trách nhiệm thành viên BKS .....	13
Điều 39. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu BKS.....	14
Điều 40. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên .....	14
Điều 41. Đề cử, ứng cử thành viên BKS .....	14
Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên .....	14
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	14
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	14
Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS.....	14
<b>CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>15</b>
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc .....	15
Điều 47. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc.....	15
<b>CHƯƠNG VII. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC .....</b>	<b>15</b>
Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc .....	15
Điều 49. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ với HĐQT .....	16
Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.....	17
Điều 51. Việc tiếp cận thông tin.....	17
Điều 52. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc .....	17
<b>CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....</b>	<b>18</b>
Điều 53. Trách nhiệm cân trọng.....	18
Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	18
Điều 55. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại.....	19
Điều 56. Đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật .....	19
Điều 57. Người phụ trách quản trị Công ty.....	20
<b>CHƯƠNG XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>20</b>
Điều 58. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty .....	20
<b>CHƯƠNG X. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>20</b>
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	20

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ANI

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐQT ngày 11/04/2026 của Hội đồng quản trị trên cơ sở Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần ANI)*

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;  
Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;  
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần ANI;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2026, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền, nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này, các chữ viết tắt sau đây được hiểu như sau:
  - a. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần ANI;
  - b. “**Điều lệ**” là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần ANI được ĐHĐCĐ Công ty thông qua từng thời điểm.
  - c. “**ĐHĐCĐ**” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
  - d. “**HĐQT**” là Hội đồng quản trị của Công ty;
  - e. “**BKS**” là Ban kiểm soát của Công ty;
  - f. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - g. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - h. “**Nghị định số 155**” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
  - a. “**Quản trị công ty**” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm: đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

- b. **“Công ty đại chúng”** là Công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán;
  - c. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - d. **“Người quản lý doanh nghiệp”** được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
  - e. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - f. **“Thành viên HĐQT không điều hành”** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
  - g. **“Thành viên độc lập HĐQT”** (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên HĐQT đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - h. **“Người phụ trách quản trị Công ty”** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155;
  - i. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
  - j. **“Cuộc họp trực tiếp”** là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ tập trung tại một địa điểm, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm tổ chức cuộc họp;
  - k. **“Cuộc họp trực tuyến”** là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sử dụng phương tiện điện tử và thông qua môi trường internet hoặc hình thức khác cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau tham dự, thảo luận và biểu quyết bằng bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác do Công ty quy định. Địa điểm có chủ tọa tham dự là địa điểm chính của cuộc họp;
  - l. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Công ty hoặc bên thứ ba do Công ty chỉ định.
3. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
  4. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
  5. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

## **CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ được thực hiện theo Khoản 1 - Điều 15 tại Điều lệ Công ty.
3. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề được chi tiết tại Khoản 2 - Điều 15 Điều lệ Công ty.

### **Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ, thẩm quyền triệu tập, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ, thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ, lập danh sách cổ đông tham dự và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh

sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Xác định thời gian, hình thức và địa điểm tổ chức đại hội;
- c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- d. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
- e. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- f. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu Thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- g. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- h. Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký và tham dự họp ĐHĐCĐ trong trường hợp tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bằng hình thức cuộc họp trực tuyến;
- i. Các công việc khác phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### **Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức và tài liệu như quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 6. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ**

1. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Kiến nghị của cổ đông/nhóm cổ đông các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Khoản 4,5,6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 7. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho một hoặc một số tổ chức, cá nhân khác tham dự tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo Điều 16 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 8. Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ**

1. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và các thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty.
2. Trong Quy chế này, đối với cuộc họp trực tuyến hoặc các hình thức khác, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng nhập thành công vào hệ thống họp trực tuyến được xem là trực tiếp tham dự.

#### **Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo

mời họp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể thay đổi hình thức cuộc họp trong cuộc họp triệu tập lần thứ hai, lần thứ ba căn cứ vào tình hình thực tế và việc thay đổi phải nêu rõ trong thông báo mời họp.

#### **Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ**

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

#### **Điều 11. Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, 4 và 5 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu quyết trưng ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu biểu quyết và thông báo kết quả kiểm phiếu trong cuộc họp ĐHĐCĐ**

1. Việc bầu ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty; ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm

kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

3. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định.

4. Đối với cuộc họp trực tuyến, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo Khoản 3 Điều 11 Quy chế này.

6. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

### **Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **Điều 14. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản; Hình thức, nội dung và quy định Công bố thông tin thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty.

### **Điều 15. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Điều 16. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

ĐHĐCĐ có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của Điều lệ Công ty theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

### **Điều 17. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ theo hình thức cuộc họp trực tuyến**

1. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ thường niên và họp ĐHĐCĐ bất thường bằng hình thức cuộc họp trực tuyến trong các trường hợp sau:

- a. Xảy ra sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, dịch bệnh, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các chính sách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khiến cho cuộc họp không thể tổ chức trực tiếp hoặc đa số cổ đông không thể tham gia cuộc họp trực tiếp; hoặc
2. Các sự kiện khách quan mà HĐQT hoặc người triệu tập xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức cuộc họp trực tiếp. Cách thức gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có nghĩa vụ chuẩn bị tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký và tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Tài liệu hướng dẫn này được gửi cho cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền sẽ thực hiện đăng ký và tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và tài liệu hướng dẫn của Công ty được gửi trực tiếp tới cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Văn bản ủy quyền phải được cổ đông gửi cho Công ty trước thời điểm thực hiện đăng ký cổ đông tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
5. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến:
  - a. Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự họp và truy cập thành công vào hệ thống điện tử họp trực tuyến để dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
  - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được triệu tập và tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.
  - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được triệu tập và tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.
  - d. Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều này không bắt buộc theo tổ chức theo hình thức họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Hình thức tổ chức của cuộc họp tiếp theo do người triệu tập quyết định.
6. Thể thức tiến hành cuộc họp trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình tại cuộc họp trực tuyến theo phương thức quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này.
7. Công ty thiết lập hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc sử dụng dịch vụ do bên thứ ba cung cấp hoặc phương thức hợp lý khác để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể thực hiện biểu quyết và ghi nhận quá trình, kết quả biểu quyết đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức biểu quyết cụ thể sẽ được công bố và hướng dẫn cho cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông trước khi khai mạc cuộc họp trực tuyến.
8. ĐHĐCĐ tiến hành bầu Ban kiểm phiếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty. Ban kiểm phiếu dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử trên hệ thống để thực hiện việc kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

9. Kết quả kiểm phiếu được được chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp theo nội dung quy định tại khoản 6 Điều 12 Quy chế này.
10. Nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp trực tuyến được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 11 Quy chế này. Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp trực tuyến có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp.
11. Việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện và bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.
12. Nội dung Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
13. Quy trình tổ chức và hướng dẫn cụ thể về việc tham gia và biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được gửi cho cổ đông trước mỗi lần tổ chức cuộc họp.

**Điều 18. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ theo hình thức cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến**

1. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể quyết định tổ chức cuộc họp bằng hình thức cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế này. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể lựa chọn tham gia, thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bằng một trong hai hình thức trên.
2. Cách thức gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có nghĩa vụ chuẩn bị tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký và tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến. Tài liệu hướng dẫn này được gửi cho cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Việc đăng ký dự họp được thực hiện như sau:
  - a. Trường hợp cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp, việc đăng ký dự họp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này;
  - b. Trường hợp cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, việc đăng ký dự họp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Quy chế này;
4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 7 Quy chế này.
5. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến:
  - a. Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông dự họp trực tiếp và truy cập thành công vào hệ thống điện tử họp trực tuyến dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
  - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được triệu tập và tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.
  - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được triệu tập và tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.
  - d. Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều này không bắt buộc theo tổ chức theo hình thức họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến. Hình thức tổ chức

của cuộc họp tiếp theo do người triệu tập quyết định.

6. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 11 Quy chế này. Kết quả biểu quyết được tính bằng tổng phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp. Nghị quyết này có giá trị như nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua bằng các hình thức cuộc họp trực tiếp.

7. Cách thức bỏ phiếu:

a. Đối với cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp, việc biểu quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và khoản 5 Điều 12 Quy chế này;

b. Đối với cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, việc biểu quyết thực hiện theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 17 Quy chế này.

8. Cách thức kiểm phiếu:

a. ĐHĐCĐ tiến hành bầu Ban kiểm phiếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty. Ban kiểm phiếu dựa trên tổng số lượng phiếu mà cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thực hiện biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp và cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thực hiện biểu quyết bỏ phiếu điện tử trên hệ thống để thực hiện việc kiểm phiếu.

b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến trừ trường hợp bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

9. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp theo nội dung quy định tại Điều 12 Quy chế này.

10. Việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện và bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

11. Nội dung Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

12. Quy trình tổ chức và hướng dẫn cụ thể về việc tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến được gửi cho cổ đông trước mỗi lần tổ chức cuộc họp.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

a. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và chi tiết tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty;

- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c. Báo cáo đầy đủ, kịp thời với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- f. Thành viên độc lập HĐQT phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 21. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của thành viên HĐQT**

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.
- 2. Nhiệm kỳ, cơ cấu, thành phần của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT**

- 1. Thành viên HĐQT phải có tiêu chuẩn và điều kiện như sau:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
  - c. Thành viên HĐQT của công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác;
  - d. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
- 2. Thành viên độc lập HĐQT phải có tiêu chuẩn và điều kiện như sau:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

#### **Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, thực hiện như sau:
  - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về

quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật;

**Điều 24. Cách thức bầu thành viên HĐQT:**

Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện như khoản 3 Điều 11 Quy chế này.

**Điều 25. Các trường hợp Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

**Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Cách thức, thời gian, thông tin của Ứng viên HĐQT phải được Công ty công bố thông tin theo Khoản 1 - Điều 25 Điều lệ Công ty.

**Điều 28. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và thực hiện chi theo Điều 28 Điều lệ Công ty.

**CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 30. Cuộc họp HĐQT**

Cuộc họp HĐQT được quy định chi tiết tại Khoản 1,2,3,4,5 Điều 30 Điều lệ Công ty.

**Điều 31. Thông báo họp HĐQT**

Thời hạn, hình thức và nội dung, tài liệu kèm theo thông báo họp HĐQT được gửi cho các thành viên HĐQT theo Khoản 6,7 Điều 30 Điều lệ Công ty.

**Điều 32. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

Cuộc họp HĐQT chỉ được tổ chức khi đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 8,10 Điều 30 Điều lệ Công ty.

**Điều 33. Cách thức biểu quyết**

Việc biểu quyết được coi là có hiệu lực khi thực hiện đúng theo đúng cách thức quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Công ty.

**Điều 34. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

### **Điều 35. Biên bản họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

### **Điều 36. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS**

BKS có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và chi tiết tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

### **Điều 38. Trách nhiệm thành viên BKS**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty

hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 39. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu BKS**

1. Số lượng thành viên BKS là ba (03) người. Nhiệm kỳ của các Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

#### **Điều 40. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

2. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau đây:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

#### **Điều 41. Đề cử, ứng cử thành viên BKS**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại Điều 23 Quy chế này;
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên:**

Việc bầu Ban kiểm soát được thực hiện như khoản 3 Điều 11 Quy chế này.

#### **Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3,4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo Điều 41 Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC

### **Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

### **Điều 47. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc**

1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT khi được yêu cầu.
4. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
5. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và phải báo cáo tại ĐHCĐ thường niên.

## CHƯƠNG VII. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

### **Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
  - a. Thông báo mời họp HĐQT và các tài liệu kèm theo, Nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và phương thức như đối với các thành viên HĐQT;

b. HĐQT xem xét các nội dung họp HĐQT, trong trường hợp cần thiết có thể mời Tổng Giám đốc tham dự họp để thảo luận và trả lời các vấn đề liên quan. Trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp thực hiện theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

c. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thư ký HĐQT hoặc Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện.

d. BKS có thể yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc dự họp BKS để trả lời các vấn đề cần được làm rõ. Việc mời thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc dự họp BKS thực hiện như đối với thành viên BKS.

e. Cuộc họp HĐQT, BKS có sự tham gia của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc thì thông tin về người tham gia và ý kiến phát biểu của họ phải được ghi đầy đủ vào biên họp.

2. Trường hợp BKS, Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT:

BKS, Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan. BKS, Tổng Giám đốc Công ty có thể xin ý kiến của HĐQT khi xét thấy cần thiết, cụ thể trong các trường hợp sau:

a. Xung đột về lợi ích giữa thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc;

b. Những vấn đề phát sinh quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc;

c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

3. Tổng Giám đốc Công ty phải báo cáo về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo về việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty và các vấn đề khác thuộc trách nhiệm của mình theo yêu cầu của HĐQT trực tiếp tại cuộc họp HĐQT hoặc bằng văn bản.

4. Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các vấn đề được ủy quyền chi tiết, làm rõ tiến độ, nội dung chi tiết thực hiện, đặc biệt là các vướng mắc quan trọng để có hướng xử lý kịp thời.

5. Tổng Giám đốc Công ty phải báo cáo, cung cấp các thông tin theo yêu cầu của HĐQT, BKS. Nội dung thông tin và cách thức báo cáo, cung cấp thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc:

a. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên trao đổi và cung cấp thông tin cần thiết trong phạm vi thẩm quyền trong thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông.

b. Hoạt động kiểm soát, điều hành và giám sát giữa thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 49. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ với HĐQT**

1. Khi thực hiện yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện việc kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Trong các trường hợp kiểm tra khác, BKS phải thông báo kết quả kiểm tra đến HĐQT và những người có liên quan trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.

2. Trường hợp BKS phát hiện thành viên HĐQT vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty

theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, phải thông báo bằng văn bản tới HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

3. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi yêu cầu cho HĐQT ít nhất 15 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại câu trả lời;

4. Các nội dung về báo cáo, kiến nghị và kết luận cần trình ĐHĐCĐ cần tham khảo của HĐQT thì BKS phải gửi yêu cầu, tài liệu liên quan trước ít nhất là 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

#### **Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc**

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, HĐQT phải thông báo và đề nghị Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

Nội dung thông tin, tài liệu cần cung cấp và thời hạn cung cấp hồ sơ được thành viên HĐQT thông báo cho người được yêu cầu và phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu được yêu cầu. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ bảo mật các thông tin, tài liệu đã được cung cấp và chỉ sử dụng cho các công việc liên quan đến hoạt động và phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT mà Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn hợp lý, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty.

4. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

5. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

6. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Báo cáo HĐQT khi có yêu cầu.

7. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần quyết định.

8. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý khác trong Công ty.

#### **Điều 51. Việc tiếp cận thông tin**

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác có quyền tiếp cận thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu đã được tiếp cận, không tiết lộ các thông tin chưa được công bố hoặc sử dụng với mục đích cá nhân.

#### **Điều 52. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc**

1. Khi thực hiện yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện việc kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, BKS phải báo cáo về

những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Trong các trường hợp kiểm tra khác, BKS phải thông báo kết quả kiểm tra đến HĐQT và những người có liên quan trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Tổng Giám đốc và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Tổng Giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo nội dung và thời hạn thành viên BKS hoặc BKS yêu cầu.

4. Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày cần gửi lại ý kiến trả lời và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong thời gian do BKS yêu cầu. Trong trường hợp cần nhiều thời gian để xem xét vấn đề được yêu cầu, Tổng Giám đốc đề nghị BKS gia hạn gửi lại ý kiến trả lời.

## **CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

### **Điều 53. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

### **Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 55. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

#### **Điều 56. Đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật**

1. Đánh giá hoạt động: HĐQT thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, hoạt động của các tiểu ban của HĐQT theo nội dung và tiêu chí do HĐQT quy định. Việc đánh giá thực hiện 1 năm/lần và là tiêu chí để thực hiện khen thưởng và kỷ luật tại Công ty.

2. Khen thưởng:

a. HĐQT chịu trách nhiệm giao bộ phận/tiểu ban có chức năng xây dựng hệ thống khen thưởng cho Công ty. Việc khen thưởng dựa trên việc đánh giá hoạt động theo Quy chế này và Điều lệ Công ty.

b. Hình thức khen thưởng:

- Bằng tiền mặt;
- Bằng hiện vật hoặc hình thức phi vật chất khác do HĐQT quyết định.

c. Đối với đối tượng được khen thưởng là thành viên HĐQT và thành viên BKS: Mức khen thưởng phải trong phạm vi thù lao, thưởng và lợi ích khác đã được ĐHĐCĐ thông qua.

d. Đối với đối tượng khác: Mức khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty hoặc nguồn hợp pháp khác căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

3. Kỷ luật

a. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ vi phạm.

b. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu không hoàn thành nhiệm vụ của mình.

c. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện

nhiệm vụ của mình mà thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông và người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 57. Người phụ trách quản trị Công ty**

HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty đảm bảo các tiêu chuẩn với chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ cũng như tuân thủ quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm như tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

### **CHƯƠNG IX. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 58. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

1. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật và Điều lệ có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **CHƯƠNG X. NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 10 chương 59 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 11/04/2026 và HĐQT ban hành ngày 11/04/2026;
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị phải có chữ ký của Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**